TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2023/DS-ST Ngày: 10-5-2023 V/v "Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Sở
Bà Nguyễn Thị Thuận

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự "Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại", thụ lý số 75/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:
Sinh năm: 1977
Địa chỉ: 292A Đường Nguyễn Huỳnh Đức phường khánh Hậu thành phố T tỉnh L.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng Phương, sinh năm: 1966
Địa chỉ : 165 Đường Phạm Văn Ngô phường Tân Khánh thành phố T tỉnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 02 năm 2023 của ông Ng. Th. Ch)

- *Các bị đơn:*
Ông Tr. V. B, sinh năm: 1933
Bà Ng. Th. B, inh năm: 1935
Cùng địa chỉ: 130/1 ấp Bình Xuyên xã Bình Quới huyện Châu Thành tỉnh L.
Người đại diện hợp pháp của ông Tr. V. B và bà Ng. Th. B: Bà Tr.T. Tr. L, sinh năm: 1996

(theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 4 năm 2023 của ông Tr. V. B và bà Ng. Th. B)

Bà Ng. Th. Tr, sinh năm: 1969

Bà Tr.T. Tr. L, sinh năm: 1996

Bà Tr. Th. T. Th, sinh năm: 1999

Người đại diện hợp pháp của bà Tr. Th. T. Th: Bà Tr.T. Tr. L, sinh năm: 1996

(theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 4 năm 2023 của bà Tr. Th. T. Th).

Tr.Q. Th, sinh năm: 2008

Người đại diện hợp pháp của Tr.Q. Th: Bà Ng. Th. Tr, người giám hộ của Tr.Q. Th

Cùng địa chỉ: 195/31B Đường Nguyễn Huỳnh Đức phường khánh Hậu thành phố T tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 12 tháng 12 năm 2021, ông Tr. V. C có vay của Ng. Th. Ch 200.000.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày. Ông C có "thế chấp" Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất thuộc thửa số 2537 tờ bản đồ số 1 phường Khánh Hậu cho ông Ch để đảm bảo. Ông C đã chết, Do đó, ông Ch khởi kiện, yêu cầu những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 13 tháng 01 năm 2022 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên hòa giải ngày 28 tháng 4 năm 2023, bà Ng. Th. Tr thừa nhận chữ viết, chữ ký trong "Giấy mượn tiền" là của ông C, chồng bà và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà nguyên đơn đang giữ là của bà, song khi ông C mang đi "thế chấp" cho ông Ch, là ông C lén lút với bà. Đồng thời, bà hoàn toàn không biết việc ông C vay tiền của ông Ch. Nay ông C chết, bà thừa nhận bà có nghĩa vụ phải trả tiền để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà chỉ đồng ý trả 100.000.000 đồng như lúc đầu ông Ch yêu cầu. Trong trường hợp, ông Ch chấp nhận thì mười ngày nữa, bà trả cho ông Ch 50.000.000 đồng, ông Ch trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Ch đang giữ còn 50.000.000 đồng thì đến cuối năm 2023, bà sẽ trả.

Đồng thời, ông C chết, không để lại di chúc và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C là các bị đơn mà ông Ch khởi kiện, Ngoài ra, không còn ai là người thừa kế thuộc hàng thừa kế và diện thừa kế của ông C.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa ông Tr. V. C và ông Ng. Th. Ch đã xác lập hợp đồng vay tài sản, không lãi, có kỳ hạn. Khi xác lập hợp đồng vay tài sản, để đảm bảo cho việc trả nợ, ông C đã giao cho ông Ng. Th. Ch Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DA 041076 ngày 23 tháng 12 năm 2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà Ng. Th. Tr. Ông Tr. V. C chết, có để lại di sản thừa kế trong khối tài sản chung với bà Ng. Th. Tr nhưng không để lại di chúc và các đồng thừa kế của ông Tr. V. C cũng chưa chia thừa kế. Do đó, ông Ng. Th. Ch khởi kiện, yêu cầu các đồng thừa kế của ông C thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Theo lời trình bày của bà Ng. Th. Tr và theo Bản án dân sự phúc thẩm số 58/2023/DS-PT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh L, xác định di sản thừa kế của ông Tr. V. C thuộc khối tài sản chung của ông Tr. V. C và bà Ng. Th. Tr gồm các quyền sử dụng đất thuộc:

- Thửa số 2002 tờ bản đồ số 1 phường Khánh Hậu thành phố T tỉnh L, diện tích 556m^2, mục đích sử dụng đất lúa,

- Thửa số 2537 tờ bản đồ số 1 phường Khánh Hậu thành phố T tỉnh L, diện tích 1.005m^2, mục đích sử dụng đất lúa,

- Thửa số 138 tờ bản đồ số 1-5 phường Khánh Hậu thành phố T tỉnh L, diện tích 78m^2, mục đích sử dụng đất ODT

[3] Ông Tr. V. C chết vào ngày 01 tháng 6 năm 2022, không để lại di chúc và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr. V. C: Ông Tr. V. B (cha đẻ ông C), bà Ng. Th. B (mẹ đẻ ông C), bà Ng. Th. Tr (vợ ông C) và các con của ông C là Tr.T. Tr. L, Tr. Th. T. Th và Tr.Q. Th. Những người thừa kế chưa chia thừa kế.

[4] Việc bà Ng. Th. Tr chỉ đồng ý trả cho ông Ng. Th. Ch 100.000.000 đồng và phương án trả tiền của bà Ng. Th. Tr không được nguyên đơn đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản thừa kế của ông Tr. V. C để lại theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Tr. V. B, bà Ng. Th. B, bà Ng. Th. Tr, bà Tr.T. Tr. L, bà Tr. Th. T. Th và Tr.Q. Th có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Ng. Th. Ch 226.500.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế của ông Tr. V. C. Trong đó, tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là: (200.000.000đ x 10%/năm x 1 năm 03 tháng 27 ngày) = 26.500.000 đồng.

[6] Ông Tr. V. C có giao cho ông Ng. Th. Ch Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DA 041076 ngày 23 tháng 12 năm 2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà Ng. Th. Tr để đảm bảo cho khoản tiền vay là giao dịch không phù hợp với quy định do không tuân thủ hình thức và không có sự đồng ý của bà Ng. Th. Tr. Do đó, ông

Ng. Th. Ch phải hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã nêu cho các bị đơn.

Về án phí: Trong phạm vi di sản thừa kế, ông Tr. V. B, bà Ng. Th. B, bà Ng. Th. Tr, bà Tr.T. Tr. L, bà Tr. Th. T. Th và Tr.Q. Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông Tr. V. B và bà Ng. Th. B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Tòa án chấp nhận cho miễn án phí sơ thẩm. Bà Ng. Th. Tr, bà Tr.T. Tr. L, bà Tr. Th. T. Th và Tr.Q. Th chịu án phí sơ thẩm là 7.550.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng. (5% x 226.500.000đ : 6 x 4) = 7.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 615 của Bộ luật dân sự; Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Tr. V. B, bà Ng. Th. B, bà Ng. Th. Tr, bà Tr.T. Tr. L, bà Tr. Th. T. Th và Tr.Q. Th liên đới thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản thừa kế do ông Tr. V. C để lại: trả cho ông Ng. Th. Ch 226.500.000 (hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Gồm:

- Tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng ;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: 26.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

Ông Ng. Th. Ch hoàn trả cho bà Ng. Th. Tr, Tr. V. B, bà Ng. Th. B, bà Tr.T. Tr. L, bà Tr. Th. T. Th và Tr.Q. Th Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DA 041076 ngày 23 tháng 12 năm 2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà Ng. Th. Tr.

Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm cho ông Tr. V. B và bà Ng. Th. B; Bà Ng. Th. Tr, bà Tr.T. Tr. L, bà Tr. Th. T. Th và Tr.Q. Th chịu án phí sơ thẩm là 7.550.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng.

Hoàn trả cho ông Ng. Th. Ch 5.554.425 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Ch đã nộp (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002125 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L).

Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, các bị đơn, người đại diện hợp pháp của các bị đơn có mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
-Chi cục thi hành án dân sự
-Các đương sự
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thảo